

Bản án số 958/2023/HS-PT
Ngày 18/12/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1128/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Trần Văn M, sinh năm 1982 tại huyện M1, thành phố Hà Nội; nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn H, xã Đ, huyện M1, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đại T và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H5 M2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2022, đến ngày 16/10/2022 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Vương Thị Như N, sinh năm 1984 tại huyện U, thành phố Hà Nội; nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn P, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Bán buôn; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Tuấn H1 và bà Đàm Thị H2; có chồng là Đặng Tiến Đ1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/10/2022, đến ngày 21/10/2022

chuyển tạm giam; ngày 12/01/2023 huỷ bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Võ Đ2, Đoàn Văn D, Nguyễn Minh Đ3, Trương Đình H3, Lê Văn K, Cao Văn T1, Đặng Văn N1 và người bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Vụ án “Buôn bán hàng cấm”, “Tàng trữ hàng cấm”:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có hành vi buôn bán pháo nổ nên vào hồi 02 giờ ngày 07/10/2022, tại Trạm Cảnh sát giao thông Q thuộc thị trấn T2, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Trạm Cảnh sát giao thông Q, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa, Công an thị trấn T2 đã tiến hành dừng xe ô tô BKS 29H-707.53 chạy theo hướng từ Nam ra Bắc để kiểm tra. Qua kiểm tra đã phát hiện trên xe ô tô chứa 126 hộp pháo, lái xe Trần Văn M khai nhận số pháo trên là do M mua từ Quảng Trị về để bán kiếm lời. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm 126 hộp pháo, tạm giữ xe ô tô BKS 29H-707.53 để giải quyết.

Quá trình điều tra, Trần Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm, cụ thể như sau:

1. Hành vi phạm tội của Trần Văn M:

Trần Văn M là lái xe ô tô cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải K1, chạy tuyến Bắc - Nam. Khoảng cuối tháng 8/2022, trong một lần chở hàng vào thành phố Hồ Chí Minh, Trần Văn M có gặp, quen biết Đoàn Văn D và được biết D có bán pháo hoa (nguồn gốc không phải do Việt Nam sản xuất và cấp phép sử dụng) nên hỏi mua với mục đích để bán kiếm lời. Trần Văn M có quen biết với Nguyễn Minh Đ3 và Lê Văn K do là người cùng thôn, cùng xã. Đ3 và K biết M chạy xe tuyến Bắc - Nam và có mua bán pháo hoa.

Sau khi quen biết và đặt vấn đề mua bán pháo với D, khoảng 02 ngày sau, M mua của D 08 hộp pháo, loại 49 quả/hộp, M không nhớ giá mua cụ thể, nhưng đã thanh toán hết tiền cho D. Số pháo này, sau khi mang về Trần Văn M đã bán cho Lê Văn K 04 hộp với giá 720.000 đồng/hộp, bán cho những người mua lẻ khác 04 hộp (M không nhớ đã bán cho người nào).

Ngày 29/9/2022, Trần Văn M tiếp tục mua của Đoàn Văn D 100 hộp pháo loại 49 quả. M không nhớ giá mua cụ thể, nhưng đã thanh toán hết tiền cho D. Số pháo này, M đã bán cho một người đàn ông giới thiệu tên Đ3 40 hộp (M không

biết địa chỉ, lý lịch cụ thể), số còn lại M cất giấu ngoài nghĩa trang để tìm người mua, nhưng bị mưa ướt nên đã vứt bỏ. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 01/10/2022, Trần Văn M được Công ty giao lái xe ô tô 29H-707.53 (chủ sở hữu xe là Công ty K1) chở hàng từ thành phố Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh. M thuê Cao Văn T1 cùng lái xe với tiền công 2.750.000 đồng/chuyến, T1 đồng ý. Đến ngày 04/10/2022, M lái xe quay trở về Hà Nội và thông báo cho Nguyễn Minh Đ3, Lê Văn K biết để mua pháo. Lúc này, Nguyễn Minh Đ3 gọi điện thoại cho M đặt mua 80 hộp pháo, Lê Văn K đặt mua 25 hộp pháo, tất cả đều là loại 49 quả/hộp. M đồng ý bán cho Đ3 với giá 680.000 đồng/hộp, tổng tiền 80 hộp là 54.400.000 đồng. Ngày 05/10/2022, Đ3 đã chuyển khoản vào tài khoản số 0977.775.562 Ngân hàng Q1 mang tên Trần Văn M số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 4.400.000 đồng, Đ3 sẽ thanh toán khi nhận hàng. M bán cho K với giá 720.000 đồng/hộp, tổng số tiền 25 hộp là 18.000.000 đồng, M nói K đưa tiền mặt cho vợ M. Ngày 05/10/2022, K đã đến nhà đưa cho chị Nguyễn Thị H5 M2 (vợ của Trần Văn M) 15.000.000 đồng để thanh toán tiền pháo, số còn lại K sẽ thanh toán hết khi nhận được pháo. Cùng thời điểm đó, Cao Văn T1 ngồi cùng xe ô tô, biết được M mua bán pháo nên nhờ mua 20 hộp pháo, loại 49 quả. M đồng ý, T1 đã chuyển vào tài khoản của M tại Ngân hàng Q1 số tiền 11.460.000 đồng.

Sau khi Đ3, K, T1 đặt mua pháo, Trần Văn M đã liên lạc với Đoàn Văn D và đặt mua 126 hộp pháo, loại 49 quả, đóng thành 07 thùng. D đồng ý bán cho M với giá 10.300.000 đồng/thùng, tổng số tiền là 72.100.000 đồng. D bớt cho M 300.000 đồng, còn lại 71.800.000 đồng, Trần Văn M đã chuyển khoản cho D làm 03 lần vào các tài khoản số 4270107763467 mang tên Nguyễn Thanh T4 tại Ngân hàng Q1 (50.000.000 đồng) và tài khoản số 3907205152039 mang tên Đoàn Văn D tại Ngân hàng A (21.800.000 đồng). Khi xe chạy đến Quảng Trị, M lái xe vào địa điểm gửi hàng của D tại khu phố 1, phường Đ4, thành phố Đ5 được anh Phan Văn L1 (bạn của D) hướng dẫn bốc 07 thùng pháo lên xe ô tô. Sau khi nhận đủ số pháo, Trần Văn M và Cao Văn T1 tiếp tục chạy xe về Hà Nội, Khi đi đến thị trấn T2, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa thì bị Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tang vật, tạm giữ của M 02 điện thoại di động OPPO.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với 126 hộp pháo.

Tại Kết luận giám định số 3505/KL-KTHS ngày 14/10/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: toàn bộ số pháo đã thu giữ đều là pháo hoa nổ (pháo nổ), có tổng khối lượng là 237,7kg, trong đó khối lượng của 01 hộp pháo là 1,88kg.

Ngày 07/10/2022, chị Nguyễn Thị H5 M2 đã tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng (tiền Lê Văn K trả tiền mua pháo) cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, gia đình Trần Văn M có xuất trình tài liệu về việc M có điều trị tại Bệnh viện tâm thần. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tâm thần đối với M. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 94/KL-GĐ ngày 14/4/2023, Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: trước, trong khi thực hiện phạm tội và tại thời điểm giám định bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

2. Hành vi phạm tội của Đoàn Văn D:

Khoảng cuối tháng 8/2022, sau khi gặp Trần Văn M và thống nhất giao dịch mua bán pháo, Đoàn Văn D tìm hiểu và biết Võ Đ2 có bán pháo hoa, nguồn gốc mua từ bên nước Lào nên hỏi mua của Đ3 với mục đích để bán kiếm lời. D mua của Võ Đ2 hai loại pháo, một loại có 36 quả/hộp đóng trong 01 thùng là 20 hộp với giá 6.000.000đ/thùng; một loại 49 quả/hộp đóng trong 01 thùng là 18 hộp với giá 7.200.000đ/ thùng. D và Đ3 thỏa thuận số tiền mua bán pháo được thanh toán thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản số 9704229230720570 Ngân hàng Q1 mang tên Võ Đ2, hoặc thanh toán bằng tiền mặt. Trong thời gian từ cuối tháng 8 đến tháng 10/2022, D và Đ3 đã nhiều lần mua bán pháo với nhau, tuy nhiên không nhớ được cụ thể ngày tháng, số lượng pháo bán của từng lần.

Đoàn Văn D đã bán pháo cho Trần Văn M nhiều lần, tuy nhiên không nhớ được tất cả các lần mua bán, trong đó có lần D bán cho M 08 hộp vào cuối tháng 8/2022, một lần 100 hộp vào ngày 29/9/2022 cả hai lần đều là loại 49 quả/hộp. Các lần mua bán này đều đã được thanh toán tiền đầy đủ.

Ngày 04/10/2022, sau khi Trần Văn M đặt mua pháo, Đoàn Văn D đã gọi điện thoại cho Đ3 và đặt mua làm 03 lần (vào ngày 04, 05, 06/10/2022) số lượng gồm 07 thùng pháo loại 49 quả, 01 thùng pháo loại 36 quả. Do D yêu cầu chuyển 07 thùng pháo loại 49 quả đến thành phố Đ5 nên Đ3 bán với giá 9.000.000 đồng/thùng, D đồng ý và đã thanh toán toàn bộ số tiền mua pháo với Đ3. Ngày 06/10/2022, Đ3 chuyển toàn bộ 07 thùng pháo đến địa điểm D gửi hàng tại khu phố 1, phường Đ4, thành phố Đ5, tỉnh Quảng Trị (gửi bạn D là vợ chồng anh Phan Văn L1 và chị Nguyễn Hoàng N2). 07 thùng pháo này, D đã bán cho Trần Văn M với tổng số tiền là 71.800.000 đồng, hai bên đã thanh toán xong tiền.

Sau khi Trần Văn M bị Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang, Đoàn Văn D đã nhận thấy hành vi phạm pháp của mình nên đầu thú. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D. Qua khám xét đã thu giữ được 39 hộp pháo loại 49 quả và 20 hộp pháo loại 36 quả, đóng trong 06 thùng cat tong.

Đoàn Văn D khai nhận toàn bộ số pháo bán cho M và thu giữ tại nhà D là do D mua của Võ Đ2. Số pháo cất giữ tại nhà D là để bán cho những người có nhu cầu mua, nhưng chưa bán được nên còn tồn lại.

Cơ quan điều tra đã Trưng cầu giám định số pháo thu giữ tại nhà D. Tại Kết luận giám định số 3507/KL-KTHS ngày 14/10/2022 và Công văn số 788/CV-

KTHS ngày 23/11/2022 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: toàn bộ số pháo đã thu giữ đều là pháo hoa nổ (pháo nổ), có tổng khối lượng là 98,9 kg, trong đó khối lượng trung bình của 01 hộp pháo loại 49 quả là 1,63kg, loại 36 quả là 1,47kg.

3. Hành vi phạm tội của Võ Đ2:

Trong các ngày 04, 05, 06/10/2022, Võ Đ2 đã bán cho Đoàn Văn D tổng 07 thùng pháo loại 49 quả với giá 9.000.000 đồng/thùng, 01 thùng loại 36 với giá 6.000.000 đồng/thùng. Tổng số tiền mua bán pháo là 69.000.000 đồng, D đã thanh toán hết cho Đ3 thông qua chuyển khoản và trả tiền mặt. Trước đó, khoảng từ cuối tháng 8 đến tháng 9/2022, Võ Đ2 đã có nhiều lần bán pháo cho D, tuy nhiên Đ3 không nhớ được cụ thể các lần bán. Nguồn gốc của số pháo mà Võ Đ2 bán cho Đoàn Văn D là do Đ3 mua được của một người nam giới không biết tên, địa chỉ với giá 6.500.000 đồng/thùng loại 49 quả và mua của Trương Đình H3 vào đầu tháng 10/2022. Toàn bộ số tiền mua bán pháo D và Đ3 đã thanh toán hết.

Trong các ngày từ 03/10/2022 đến 06/10/2022, Võ Đ2 đã mua của Trương Đình H3 03 lần với tổng số 05 thùng pháo gồm: 01 thùng loại 49 quả (18 hộp/thùng) với giá 6.500.000 đồng và 04 thùng loại 36 quả (20 hộp/thùng) với giá 5.400.000 đồng/thùng. Tổng số tiền mua bán pháo 28.100.000 đồng, Đ3 đã thanh toán cho H3 nhiều lần thông qua chuyển khoản từ tài khoản Viettel pay mang tên Võ Đ2 đến tại khoản Ngân hàng S mang tên Trương Đình H3. Toàn bộ số pháo này, Đ3 đã bán cho Đoàn Văn D 01 thùng loại 49 quả với giá 9.000.000 đồng và 01 thùng loại 36 quả với giá 6.000.000 đồng/thùng, 03 thùng pháo loại 36 quả còn lại Đ3 đã bán cho một người không quen biết đến mua.

Ngày 08/10/2022, Võ Đ2 đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và giao nộp 01 điện thoại di động Redmi.

4. Hành vi phạm tội của Trương Đình H3:

Trong các ngày từ 03/10/2022 đến 06/10/2022, Trương Đình H3 đã bán cho Võ Đ2 tổng số 05 thùng pháo gồm: 01 thùng loại 49 quả (18 hộp/thùng) với giá 6.500.000 đồng và 04 thùng loại 36 quả (20 hộp/thùng) với giá 5.400.000 đồng/thùng. Tổng số tiền mua bán pháo 28.100.000 đồng, Đ3 đã thanh toán cho H3 nhiều lần thông qua chuyển khoản từ tài khoản Viettel pay mang tên Võ Đ2 đến tại khoản Ngân hàng S mang tên Trương Đình H3. Nguồn gốc của số pháo này là do H3 mua được của một người phụ nữ không quen biết tại vùng biên ở xã T3, huyện H4, tỉnh Quảng Trị với giá loại 36 quả là 5.200.000đ/thùng, loại 49 quả là 6.300.000đ/thùng. H3 liên lạc mua bán thông qua điện thoại, không biết tên, địa chỉ của người phụ nữ, việc thanh toán tiền được thực hiện trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Ngày 08/10/2022 H3 đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa.

5. Hành vi phạm tội của Nguyễn Minh Đ3:

Ngày 04/10/2022, Nguyễn Minh Đ3 đặt mua của Trần Văn M 80 hộp pháo, mục đích về bán kiếm lời. Giá một hộp pháo M bán cho Đ3 là 680.000 đồng/hộp, tổng số tiền pháo là 54.400.000 đồng. Ngày 05/10/2022, Đ3 đã chuyển khoản vào tài khoản số 0977.775.562 Ngân hàng Q1 mang tên Trần Văn M số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 4.400.000 đồng, Đ3 sẽ thanh toán khi nhận hàng. Tuy nhiên, ngày 07/10/2022, M đã bị Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang nên Đ3 chưa nhận được số pháo đã mua.

Ngày 07/10/2022, Nguyễn Minh Đ3 đã đầu thú tại Cơ quan điều tra.

6. Hành vi phạm tội của Lê Văn K:

Vào khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9/2022, Lê Văn K mua của Trần Văn M 04 hộp pháo loại 49 quả với giá 720.000 đồng/hộp. Sau khi mua về, K đã bóc một hộp ra và nổ thử 3/4 hộp, còn lại 1/4 hộp và 03 hộp nguyên, K cất dấu tại nhà.

Đến ngày 04/10/2022, K tiếp tục đặt mua của M 25 hộp pháo loại 49 quả với giá 720.000 đồng/ hộp, tổng tiền là 18.000.000 đồng. M nói K đưa tiền mặt cho vợ M. Ngày 05/10/2022, K đã đến nhà đưa cho chị Nguyễn Thị H5 M2 (vợ của Trần Văn M) 15.000.000 đồng để thanh toán tiền pháo, số còn lại K sẽ thanh toán hết khi nhận được pháo. Tuy nhiên, đến ngày 07/10/2022, M đã bị Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang nên K chưa nhận được số pháo đã mua.

Ngày 07/10/2022, K đã đầu thú tại Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nhà K thu giữ: 03 hộp pháo (chưa sử dụng) loại 49 quả và 01 hộp pháo bóc dở.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số pháo thu giữ tại nhà K. Tại Kết luận giám định số 3506/KL-KTHS ngày 14/10/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: toàn bộ số pháo đã thu giữ đều là pháo hoa nổ (pháo nổ), có tổng khối lượng là 6,5kg, trong đó khối lượng của 03 hộp nguyên là 5,85kg, 01 hộp bóc dở là 0,65kg, trọng lượng trung bình 01 hộp pháo là 1,95kg.

Quá trình điều tra, ban đầu Lê Văn K khai báo, mục đích mua pháo về để bán kiếm lời. Sau đó, bị cáo thay đổi lời khai mục đích là để sử dụng. Quá trình điều tra không có tài liệu chứng minh mục đích mua bán của K nên đã thay đổi tội danh đối với bị cáo.

7. Hành vi phạm tội của Cao Văn T1:

Ngày 04/10/2022, Cao Văn T1 ngồi cùng xe ô tô và biết được Trần Văn M mua bán pháo nên nhờ mua 20 hộp pháo, loại 49 quả. M đồng ý, T1 đã chuyển vào tài khoản của M tại Ngân hàng Q1 số tiền 11.460.000 đồng. Đến ngày 07/10/2022, khi xe ô tô 29H-707.53 đi đến thị trấn T2, Q thì bị Công an tỉnh Thanh Hóa bắt giữ. Cao Văn T1 đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, ban đầu Cao Văn T1 khai báo, mục đích mua pháo về để bán kiếm lời. Sau đó, bị cáo thay đổi lời khai mục đích là để sử dụng. Cơ quan điều tra không có tài liệu chứng minh mục đích mua bán của T1 nên đã thay đổi tội danh đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Văn M phải chịu khối lượng pháo bị bắt quả tang ngày 07/10/2022 là 237,7kg, cộng với khối lượng pháo đã mua bán vào cuối tháng 8/2022 (trong đó Cơ quan điều tra đã thu giữ được 04 hộp bán cho K) là 08 hộp x 1,95kg/hộp bằng 15,6kg. Số lượng pháo bán ngày 29/9/2022, M và D khai thống nhất, có tài liệu chứng minh hành vi mua bán, tuy nhiên không thu được tang vật nên không có cơ sở để tính khối lượng pháo. Tổng số pháo mà M đã thực hiện mua bán là 253,3kg.

Các bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền mua bán pháo gồm: D nộp 71.800.000 đồng, H3 nộp 28.100.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe ô tô BKS 29H-707.53 chủ sở hữu là Công ty K1. Quá trình điều tra xác định, Trần Văn M đã tự ý sử dụng xe để thực hiện hành vi buôn bán pháo, Công ty không cho phép và không biết M thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, do đó Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu.

Đối với 343,1kg pháo nổ thu giữ hiện đang lưu giữ tại kho của Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thanh Hóa chờ xử lý. Số tiền mua bán pháo các bị cáo giao nộp tổng 114.900.000 đồng, 03 điện thoại di động (02 điện thoại OPPO, 01 điện thoại Redmi) chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để chờ xử lý.

II. Vụ án “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”:

Ngoài hành vi phạm tội “Buôn bán hàng cấm”, “Tàng trữ hàng cấm” nêu trên, Nguyễn Minh Đ3 và Lê Văn K còn cùng với Đặng Văn N1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa sau đó đem bán cho Vương Thị Như N, cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2022, Nguyễn Minh Đ3 và Lê Văn K cùng rủ nhau trộm cắp dây cáp điện tại mặt bằng đang xây dựng ở thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Đ3 rủ Đặng Văn N1 đi cùng để lái xe ô tô đưa Đ3 và K vào B để trộm cắp, N1 đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 03/4/2022, Đặng Văn N1 điều khiển xe ô tô BKS 30F-062.38 chở Đ3, K đi từ huyện M1, Hà Nội vào thị xã B, Thanh Hóa để trộm cắp. Trên đường đi, K sử dụng điện thoại di động OPPO để vào Facebook xem các mặt bằng xây dựng tại B và cùng với Đ3 xác định được vị trí mặt bằng để thực hiện việc trộm cắp dây cáp. Sau đó, N1 điều khiển xe ô tô đi theo hướng dẫn của Google Maps vào thị xã B. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì các bị can đi đến khu công trường xây dựng Dự án khu dân cư N3, phường L2, thị xã B (Dự án TNR). Đ3 và K quan sát thấy có một con đường đất nhỏ cắt ngang sông đi sang bên khu công trường (do sông cạn nước) và thống nhất với nhau sẽ đi vào khu

công trường xây dựng Dự án khu dân cư N3 bằng đường nhỏ này. Sau đó, các bị can quay trở ra đi ăn uống. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, N1 chở Đ3, K quay lại khu xây dựng Dự án TNR. N1 dừng xe ô tô cạnh bờ sông, Đ3 và K xuống xe lấy các dụng cụ gồm: xabeng, dao, kìm cộng lực (đã chuẩn bị từ trước) rồi đi theo con đường cắt ngang sông vào mặt bằng xây dựng Dự án TNR; N1 quay xe đi ra phía ngoài gần cầu Mới, thị xã B đọt. Khi vào đến mặt bằng xây dựng, Đ3, K quan sát thấy có dây cáp điện đã chôn xuống đất, Đ3, K kéo dây cáp lên nhưng không được. Đến khoảng 23h30' cùng ngày, Đ3, K thấy có 01 cuộn dây cáp đã sử dụng đang cuộn trong cuộn gỗ, còn khoảng 4-5 vòng cáp. Đ3 và K lôi phần cáp ra cắt thành từng đoạn khoảng 5-6m, được khoảng 5-6 đoạn, sau đó cả hai mang số cáp trên sang bãi cát bên cạnh, sử dụng dao để cắt vỏ nhựa dây cáp, lấy lõi đồng bên trong và bó thành từng bó, được khoảng 6-7 bó, số vỏ nhựa tách ra Đ3, K để lại ngay tại hiện trường. Đến khoảng 04 giờ sáng thì cắt xong, K dùng điện thoại gọi cho N1 vào đón, Đ3, K bê số đồng cắt được đến rìa đường chờ N1. Khi N1 vào đến nơi, các bị can cùng nhau bê số dây đồng cùng công cụ bỏ vào cốp xe, sau đó tất cả cùng đi về Hà Nội. Khi về đến gần nhà N1, Đ3, K bảo N1 xuống xe về nhà, còn cả hai lái xe mang đồng đi đến nhà Vương Thị Như N để bán. Trước đó, Đ3, K đã gọi điện cho N hẹn bán số đồng trộm cắp được. Khi Đ3 và K mang đồng đến bán, N thấy số lượng dây đồng là dây cáp bị cắt, số lượng lớn, nhiều dây đang còn vỏ nhựa trắng nên biết đây là tài sản trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua. N cân số đồng được khoảng 02 tạ và trả cho Đ3, K số tiền 32.000.000 đồng. Trong đó, K được chia 10.500.000 đồng, N1 được chia 8.000.000 đồng, Đ3 được 13.500.000 đồng, số tiền này các bị can đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Số công cụ phạm tội, K đã vứt bỏ kìm cộng lực, còn dao, kìm cắt thì K mang về nhà cất dấu. Sau khi mua số đồng của Đ3, K, Vương Thị Như N đã bán cho những người thu mua đồng không quen biết được 33.000.000 đồng, N hưởng lợi 1.000.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Công ty TNHH xây lắp, vận tải P1 là đơn vị thi công đã báo cáo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B để giải quyết. Theo báo cáo của Công ty thì tổng số dây cáp bị trộm cắp là 70m. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trưng cầu định giá tài sản đối với 70m dây cáp bị trộm cắp. Ngày 14/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B đã ban hành Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG kết luận: 01 mét dây cáp điện trị giá 3.190.000 đồng, 70m dây cáp điện trị giá 223.300.000 đồng.

Ngày 13/10/2022, vụ án được chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa để nhập vụ án, tiến hành điều tra theo quy định.

Về số tài sản bị trộm cắp được xác định như sau: Công ty P1 báo cáo bị mất 70m dây cáp điện, tuy nhiên Công ty không có tài liệu nào thể hiện số dây cáp bị trộm cắp là 70m, việc xác định số mét dây cáp chỉ là ước lượng, không phải là số

chính xác. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ được số vỏ nhựa bọc ngoài của dây cáp, tổng số là 40,45m phù hợp với lời khai của bị can Đ3, K. Do đó, có cơ sở để xác định số dây cáp điện bị trộm cắp là 40,45m có tổng trị giá là 129.035.500 đồng (một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra, các bị can đã tự nguyện bồi thường, đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho Công ty P1 tổng số 40.000.000 đồng, trong đó bị can Nguyễn Minh Đ3 5.000.000 đồng, Đặng Văn N1 15.000.000 đồng, Vương Thị Như N 20.000.000 đồng. Vương Thị Như N đã nộp số tiền thu lời bất chính 1.000.000 đồng. Công ty P1 yêu cầu các bị can phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 89.035.500 đồng.

Vật chứng vụ án gồm: Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà Lê Văn K khi khám xét gồm 01 kim cắt, 02 tuốc nơ vít, 13 con dao cán gỗ, 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại Iphone; thu giữ tại hiện trường: 10 đoạn vỏ nhựa màu đen, 01 đoạn vỏ kim loại, 01 dây thừng màu xanh lá cây và số tiền thu lời bất chính do bị can N nộp 1.000.000 đồng. Toàn bộ số tang vật trên được chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2023/HS-ST ngày 07/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "Buôn bán hàng cấm"; Bị cáo Vương Thị Như N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn M 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vương Thị Như N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/01/2023.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Đ2, Đoàn Văn D, Nguyễn Minh Đ3, Trương Đình H3, Lê Văn K, Cao Văn T1, Đặng Văn N1; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/9/2023, bị cáo Vương Thị Như N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 18/9/2023, bị cáo Trần Văn M kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn M giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố bị cáo là thương binh, bị nhiễm chất độc hóa học, bản thân bị cáo thường xuyên

phải điều trị bệnh tâm thần, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có hai con nhỏ để giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị cáo Vương Thị Như N giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ, bị cáo là lao động chính, gia đình có công với cách mạng, bố đẻ và bố chồng bị cáo được tặng thưởng nhiều huy chương, từ đó cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, có quan điểm: Bị cáo Trần Văn M mua bán lượng pháo nổ rất lớn bị xử phạt về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự. Khoản 3 Điều 190 quy định hình phạt từ 08 đến 15 năm tù, bị cáo M phạm tội nhiều lần, tính chất vụ án nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, cân nhắc xử phạt bị cáo mức án 09 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình các tài liệu đã được xem xét áp dụng tại cấp sơ thẩm. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo M.

Trong vụ án có nhiều bị cáo, bị cáo Vương Thị Như N là bị cáo nữ duy nhất, mức án 24 tháng tù đối với bị cáo N là quá nghiêm khắc. Bị cáo Đặng Văn N1 có vai trò cao hơn bị cáo N, trong khi cấp sơ thẩm cho bị cáo N1 được hưởng án treo, xử phạt bị cáo N hình phạt tù là không công bằng. Mặt khác, bị cáo N thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do vậy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách 48 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Văn M xin giảm hình phạt, bị cáo N xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận:

- Về hành vi “Buôn bán hàng cấm”: Trong thời gian từ cuối tháng 8 đến tháng 10/2022, các bị cáo Võ Đ2, Đoàn Văn D, Trần Văn M, Trương Đình H3, Nguyễn Minh Đ3 đã thực hiện việc mua bán pháo hoa nổ (pháo nổ) nhằm mục đích bán kiếm lời. Lê Văn K, Cao Văn T1 mua pháo hoa nổ (pháo nổ) của Trần Văn M nhằm mục đích sử dụng. Khối lượng pháo nổ của từng bị can đã thực hiện việc mua bán, tàng trữ như sau: Võ Đ2 440,4kg, Đoàn Văn D 352,2kg, Trần Văn M 253,3kg, Trương Đình H3 151,5kg, Nguyễn Minh Đ3 144kg, Lê Văn K 51,5kg, Cao Văn T1 36kg.

- Về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Do có mục đích từ trước, nên khoảng 23h30’ ngày 03/4/2022 đến 04h ngày 04/4/2022, Đặng Văn N1 lái xe ô tô chở Nguyễn Minh Đ3, Lê Văn K đến khu mặt bằng đang xây dựng Dự án N3, phường L2, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa để cắt dây cáp điện lấy lõi đồng bán. Lợi dụng không có người trông coi, Đ3 và K trực tiếp vào cắt 40,45m dây cáp điện đang cuộn trong cuộn gỗ của Công ty TNHH P1 để tại công trường. Sau khi lấy được lõi đồng bên trong dây cáp, N1 chở Đ3 và K quay trở về Hà Nội và đem đến bán cho Vương Thị Như N được 32.000.000 đồng. Vương Thị Như N biết số dây đồng là tài sản trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua. Tổng trị giá tài sản (dây cáp điện) các bị can đã chiếm đoạt của bị hại và tiêu thụ là 129.035.500 đồng (một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Võ Đ2, Đoàn Văn D, Nguyễn Minh Đ3, Trương Đình H3, Lê Văn K, Cao Văn T1, Đặng Văn N1 không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn M về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Vương Thị Như N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi buôn bán, tàng trữ pháo nổ diễn ra hết sức phức tạp, tạo nên mối hiểm nguy, lo sợ đối với mọi người về tai nạn do pháo nổ gây ra. Hành vi của bị cáo Trần Văn M đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, là khách

thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm minh. Hành vi của bị cáo Vương Thị Như N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nhằm mục đích tư lợi cá nhân, hám rẻ, bị cáo biết rõ là tài sản trộm cắp nhưng vẫn mua. Hành vi bị cáo tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có, giá trị tài sản là 129.035.500 đồng, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Văn M, thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Trần Văn M có tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bố bị cáo được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng và mẹ bị cáo được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây tặng Giấy khen trong cuộc tham gia chống Mỹ cứu nước; gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền do bị cáo phạm tội mà có, từ đó quyết định mức hình phạt 09 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo M xuất trình các tình tiết giảm nhẹ mới như: bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ, bố mẹ già yếu, bị cáo là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương), bố bị cáo là thương binh bị nhiễm chất độc hóa học và được tặng Huy chương chiến sĩ giải phóng, bản thân bị cáo bị bệnh động kinh thường xuyên phải điều trị, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đồng thời để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Vương Thị Như N, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, bố chồng bị cáo là nạn nhân chất độc hóa học, được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhất, bố đẻ bị cáo được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba và mẹ bị cáo được Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây tặng Giấy khen trong cuộc tham gia chống Mỹ cứu nước, gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền do bị cáo phạm tội mà có; bản thân bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo N tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bố chồng bị nhiễm chất độc hóa học mất 61% sức khỏe, mẹ chồng bị khuyết tật đặc biệt nặng, thường xuyên phải chạy thận, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị cáo N có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "Buôn bán hàng cấm"; Bị cáo Vương Thị Như N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn M 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vương Thị Như N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vương Thị Như N cho Ủy ban nhân dân xã A1, huyện U, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó

phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn M, Vương Thị Như N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TTG - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo M (qua trại);
- Bị cáo N (theo đ/c);
- UBND xã V, huyện U, Hà Nội;
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tụ Học